TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Bản án số: 71/2017/HS-ST.
Ngày: 29-11-2017.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Xuân Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Bình

2. Bà Nguyễn Ngọc Hiệp

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đô – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Tuất - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2017, tại Nhà văn hóa khu phố 8, thị trấn M, huyện N, tỉnh P xét xử sơ thẩm lưu động công khai vụ án hình sự thụ lý số: 70/2017/HSST ngày 31 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo:

- Trương Văn L (tên thường gọi: D), sinh năm 1975; tại: tỉnh Bến Tre; Hộ khẩu thường trú: tổ 10, khu phố 2, thị trấn M, huyện N, tỉnh P; chỗ ở hiện nay: tổ 10, khu phố 2, thị trấn M, huyện N, tỉnh P; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 0/12; họ và tên cha: Trương Văn M, sinh năm: 1949; họ và tên mẹ: Huỳnh Thị X, sinh năm: 1947; có vợ tên Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1977 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1995, con nhỏ nhất sinh năm 2010; gia đình bị cáo có 05 anh em, bị cáo là con thứ 2 trong gia đình; tiền án, tiền sự: không; về nhân thân: ngày 27/11/1997, Trương Văn L bị Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phạt 10 năm 9 tháng 28 ngày tù về tội "Trộm cắp tài sản" và "Trốn khỏi nơi giam". Đến ngày 18/3/2008 chấp hành xong hình phạt. Qua xác minh về án phí và trách nhiệm bồi thường dân sự bản án trên, Cục thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre xác nhận không có hồ sơ thi hành án đối với Trương Văn L theo Bản án số 95/HSST ngày 27/11/1997 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre. Căn cứ khoản 3 Điều 7, khoản 2 Điều 70 của Bộ luật Hình sự 2015, điểm a khoản 2 Điều 36 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014), Công văn số 276/TANDTC-PC ngày 13/9/2016 của Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo L đương nhiên được xóa án tích, nên bị cáo L được xác định không có tiền án.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/7/2017, chuyển tạm giam ngày 04/8/2017. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an huyện Vĩnh Cửu.

* **Người làm chứng**:

- Anh Nguyễn Văn N, sinh năm: 1992

Trú tại: tổ 15, khu phố 5, thị trấn M, huyện N, tỉnh P.

- Anh Lê Văn T, sinh năm: 1983

Trú tại: đường số 47, thôn Trung Nghĩa, xã M, huyện N, tỉnh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị can Trương Văn L biết việc mua, bán "Bồ Đà" và ý thức rằng chất đó là chất ma túy, biết đó là chất cấm mua, bán và nhận thức được tác hại của chất ma túy, mua bán "Bồ Đà" là vi phạm pháp luật nhưng nghĩ bán ma túy "Bồ Đà" chỉ bị xử nhẹ và hám lợi nên mua ma túy "Bồ Đà" về bán để kiếm lời.

Khoảng tháng 6/2017 đến ngày 26/7/2017, L mua 03 lần, mỗi lần từ 10 đến 40 bịch ma túy "dạng Bồ Đà" với giá 50.000 đồng/bịch về bán lại cho các con nghiện mỗi bịch 70.000 đồng/bịch để kiếm lời.

Khoảng 10 giờ 00 phút, ngày 26/7/2017, Công an huyện Vĩnh Cửu phối hợp với lực lượng Công an thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu phát hiện bắt quả tang đối tượng Trương Văn L đang bán ma túy (dạng Bồ Đà, Cần Sa) cho đối tượng nghiện Lê Văn T và Nguyễn Văn N tại nhà thuộc tổ 10, khu phố 2, thị trấn M, huyện N. T vào nhà hỏi L mua 200.000đ tiền ma túy (Bồ Đà, Cần Sa) thì L đồng ý nhận tiền và lấy 03 bịch ma túy (dạng Bồ Đà) cho T và N thì bị Công an phát hiện bắt quả tang cùng tang vật.

* Tang vật thu giữ:

- Thu giữ 03 bích nilon, bên trong có chứa lá, cọng cây khô màu xanh (nghi là Bồ Đà, Cần Sa), được niêm phong có ký hiệu M1.

- Thu giữ 17 bích nilon, bên trong có chứa lá, cọng cây khô màu xanh (nghi là Bồ Đà, Cần Sa), được niêm phong có ký hiệu M2.

- Thu giữ 200.000đ (tiền L bán ma túy cho T).

* Biên bản kết luận giám định số: 297/PC54- GĐMT ngày 02/8/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự thuộc Công an tỉnh Đồng Nai kết luận:

- Mẫu M1 được niêm phong gửi đến giám định có trọng lượng là: 2,5892 gam. Có thành phần **AB-FUBINACA** không nằm trong danh mục chất ma túy và tiền chất ban hành kèm theo Nghị định số 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 và Nghị định số 126/2015/NĐ-CP ngày 09/12/2015 của Chính phủ.

- Mẫu M2 được niêm phong gửi đến giám định có trọng lượng là: 15,4675 gam. Có thành phần **AB-FUBINACA** không nằm trong danh mục chất ma túy và tiền chất ban hành kèm theo Nghị định số 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 và Nghị định số 126/2015/NĐ-CP ngày 09/12/2015 của Chính phủ.

Hoàn lại mẫu vật sau giám định có trọng lượng M1=1,5120gam, M2=14,0142 gam được niên phong.

Theo kết luận giám định trên thì số ma túy "Bồ Đà" nêu trên có thành phần **AB-FUBINACA** không nằm trong danh mục chất ma túy và tiền chất ban hành kèm theo Nghị định số 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 và Nghị định số 126/2015/NĐ-CP ngày 09/12/2015 của Chính phủ. Tuy nhiên bị cáo Trương Văn L biết việc mua, bán "Bồ Đà" và ý thức rằng chất đó là chất ma túy, biết đó là chất cấm mua, bán và nhận thức được tác hại của chất ma túy.

Bị cáo Trương Văn L 03 lần mua ma túy của đối tượng tên T (không rõ nhân thân) ở khu vực Hố Nai, mỗi lần từ 10 đến 40 bịch ma túy "dạng Bồ Đà" về để bán lại kiếm lời. Do không rõ đặc điển nhân thân nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Cửu tiếp tục xác minh khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Tại Cáo trạng số: 71/CT-VKS-KSHS ngày 27 tháng 10 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai truy tố bị cáo Trương Văn L về tội: "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu giữ nguyên quan điểm truy tố, không thay đổi, bổ sung, rút quyết định truy tố và đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo Trương Văn L từ 18 tháng đến 24 tháng tù.

Trong phần xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, bị cáo thống nhất với quyết định truy tố và bản luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu. Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức hành vi của mình là sai, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

1. Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Cửu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

2. Về nội dung:

Tại phiên tòa bị cáo Trương Văn L đã khai nhận hành vi của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản thu giữ vật chứng, kết luận giám định, lời khai của người làm chứng và các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, thể hiện được nội dung vụ án: Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 26/7/2017, tại tổ 10, khu phố 2, thị trấn M, huyện N, tỉnh P, Trương Văn L ý thức và biết rõ một loại lá, cọng cây khô màu xanh gọi là "Bồ Đà" là chất ma túy, chất gây nghiện, hướng thần mạnh bị cấm sử dụng, mua bán nhưng vẫn mua về bán cho các đối tượng nghiện thu lợi bất chính. Khi L bán cho đối tượng Lê Văn T và Nguyễn Văn N 3 bịch ma túy với số tiền 200.000 đồng thì bị bắt quả tang.

Theo kết quả giám định loại lá, cọng cây khô màu xanh gọi là "Bồ Đà" có thành phần **AB-FUBINACA** không nằm trong danh mục chất ma túy và tiền chất ban hành kèm theo Nghị định số 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 và Nghị định số 126/2015/NĐ-CP ngày 09/12/2015 của Chính phủ. Nhưng theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 và Thông tư liên tịch số 08/2015/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 14/11/2015 cùng của Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp thì "*nếu chất được giám định không phải là chất ma túy hoặc không phải là tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy, nhưng người thực hiện hành vi phạm tội ý thức rằng chất đó là chất ma túy hoặc chất đó là tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy, thì tùy hành vi phạm tội cụ thể mà truy cứu trách nhiệm hình sự người đó theo tội danh quy định tại khoản 1 của điều luật tương ứng đối với các tội phạm về ma túy*".

Từ đó có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Trương Văn L phạm tội: "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 và Thông tư liên tịch số 08/2015/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 14/11/2015 cùng của Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp như Cáo trạng số: 71/CT-VKS-KSHS ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai truy tố là có cơ sở.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiên trọng, nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý của nhà nước về ma túy, làm ảnh hưởng đến việc bài trừ ma túy ở địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, gây mất an ninh, trật tự trị an. Bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được tác hại của ma túy, các chất gây nghiện, hướng thần, việc mua bán ma túy, các chất gây nghiện, hướng thần mạnh khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép là trái pháp luật, nếu vi phạm sẽ bị trừng trị rất nghiêm khắc nhưng bị cáo vẫn bất chấp, cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

Khi quyết định hình phạt có xem xét:

- Về tình tiết tăng nặng: bị cáo Trương Văn L không có tình tiết tăng nặng.

- Về tình tiết giảm nhẹ: trong quá trình tham gia tố tụng, bị cáo L "Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải", có trình độ văn hóa thấp, nhận thức pháp luật kém nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm p khoản 1, 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

Trên cơ sở đó Hội đồng xét xử căn cứ tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên cần có mức án nghiêm, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

- Về biện pháp tư pháp - xử lý vật chứng: Căn cứ điểm b, c khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy: mẫu vật sau giám định có trọng lượng M1 = 1,5120 gam, M2 = 14,0142 gam được niêm phong trong phong bì số 297/PC54-GĐMT ngày 02/8/2017;

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 200.000 (hai trăm ngàn) đồng bị cáo L thu lợi bất chính mà có.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/10/2017 và Biên lai thu số 0001877 ngày 30/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội bị cáo Trương Văn L phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trương Văn L phạm tội **"Mua bán trái phép chất ma túy".**

- Áp dụng khoản 1 Điều 194; Điều 33, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7, khoản 2 Điều 70 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017), điểm a khoản 2 Điều 36 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/08/2000 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC; Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 và Thông tư liên tịch số 08/2015/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 14/11/2015 cùng của

Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp.

- Xử phạt bị cáo Trương Văn L 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/7/2017.

2. Về biện pháp tư pháp - xử lý vật chứng: Căn cứ điểm b, c khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: mẫu vật sau giám định có trọng lượng M1 = 1,5120 gam, M2 = 14,0142 gam được niêm phong trong phong bì số 297/PC54-GĐMT ngày 02/8/2017;

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 200.000 (hai trăm ngàn) đồng bị cáo L thu lợi bất chính mà có.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/10/2017 và Biên lai thu số 0001877 ngày 30/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội bị cáo Trương Văn L phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Trương Văn L được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Công an huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà
(Đã ký và đóng dấu)

Võ Xuân Sơn